

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CUM'GAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2023/HNGĐ-ST

Ngày 18 – 9 – 2023

*“V/v: Ly hôn, tranh chấp
về nuôi con”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Đỗ Văn Tha

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hoài Bão

2. Bà Bùi Thị Hà

Thư ký phiên toà: Bà Đinh Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên toà: Bà Trần Thị Mỹ Châu – Kiểm sát viên

Ngày 18 tháng 9 năm 2023 tại Toà án nhân dân huyện C xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 273/2023/TLST – HNGĐ ngày 25 tháng 7 năm 2023 về *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2023/QĐXXST- DS, ngày 23 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1998, có mặt

Nơi thường trú: Tổ dân phố 2, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: Số nhà B, tổ dân phố X, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

Bị đơn: Anh Nguyễn Tấn H, sinh năm 1993, vắng mặt

Nơi thường trú: Thôn Tiến C, xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk.

Chỗ ở hiện nay: 335 H, tổ dân phố Y, thị trấn Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn Nguyễn Thị T trình bày:

Chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tấn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 12/11/2018 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do chị T và anh H không hợp tính nết, không còn tôn trọng, tin tưởng nhau, không chia sẻ, cảm thông cho nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2021 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Nay chị T thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn

tồn tại, vì vậy, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn H.

Về con chung: Chị T và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 31/7/2021 và Nguyễn Tấn Th, sinh ngày 24/5/2019, cả hai cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường. Chị T đang trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng hai cháu. Chị T có nguyện vọng được nuôi cháu N và cháu Th đến khi cháu đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con chung không yêu cầu giải quyết.

Hiện nay chị T làm nghề buôn bán với thu nhập mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng, thu nhập ổn định, đảm bảo chăm sóc 02 cháu tốt cả về vật chất lẫn tinh thần.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tổng đạt giấy triệu tập, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, anh Nguyễn Tấn H đều vắng mặt không có lý do nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án;

Đối với Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn không thực hiện đúng và đầy đủ các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Nguyễn Thị T. Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tấn H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 31/7/2021 và Nguyễn Tấn Th, sinh ngày 24/5/2019 cho chị Nguyễn Thị T được trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con do chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền và quan hệ pháp luật: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là tranh chấp về hôn nhân gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn Nguyễn Tấn H vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: chị Nguyễn Thị T và anh Nguyễn Tấn H tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 12/11/2018 tại UBND xã Q, huyện C, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng

chị T và anh H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do chị T và anh H không hợp tính nết, không còn tôn trọng, tin tưởng nhau, không chia sẻ, cảm thông cho nhau nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Từ đầu năm 2021 đến nay vợ chồng không còn chung sống với nhau nữa. Tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh H không được cải thiện mà ngày càng trầm trọng, cuộc sống chung không tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận đơn ly hôn của nguyên đơn Nguyễn Thị T.

[4] Về con chung: chị T và anh H có 02 con chung là cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 31/7/2021 và Nguyễn Tấn Th, sinh ngày 24/5/2019. Các cháu khỏe mạnh và phát triển bình thường, nguyện vọng của chị T là được nuôi dưỡng cháu N và cháu Th đến khi các cháu đủ 18 tuổi. Trong quá trình giải quyết vụ án anh H không đến Tòa án làm việc theo giấy triệu tập. Do vậy, Tòa án không ghi được lời khai của anh H về nguyện vọng nuôi con. Xét yêu cầu của đương sự cũng như điều kiện để chăm sóc con chung thì chị T có điều kiện chăm sóc con tốt hơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu N và cháu Th cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi là phù hợp.

Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật hôn nhân gia đình 2014.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị T;

Chị Nguyễn Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Tấn H.

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Quỳnh N, sinh ngày 31/7/2021 và Nguyễn Tấn Th, sinh ngày 24/5/2019 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2021/0014461 ngày 21/7/2021 của chi cục Thi hành án dân sự huyện C.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- UBND xã Q;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Văn Tha

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN-
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**